

Số: 221/2020/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách về công tác dân số và phát triển
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dân số; Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi Khoản 6, Điều 2, Nghị định số 20/2010/NĐ-CP;

Thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Số 499/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2020 phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021-2030”; Số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 phê duyệt Chương trình truyền thông Dân số đến năm 2030; Số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”;

Xét Tờ trình số 241/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định một số chính sách về công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030;

Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách về công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang thuộc tỉnh Hà Tĩnh và công dân Việt Nam cư trú thực tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Giảm mức sinh, phấn đấu đạt mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng lợi thế của nhóm dân số trong độ tuổi lao động; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tổng tỷ suất sinh đạt khoảng 2,51 con/phụ nữ, quy mô dân số 1,376 triệu người;

b) Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi, đồng bằng; 95% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại;

c) Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số theo chính sách hiện hành. Đối với dân tộc Chứt, hỗ trợ cải thiện tình trạng dân số cả về số lượng và chất lượng, phấn đấu không có tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống;

d) Tỷ số giới tính khi sinh đạt dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 12%, tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 51%;

đ) Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất;

e) Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm;

g) Chiều cao trung bình người Hà Tĩnh 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm. Chỉ số phát triển con người (HDI) tương đương mức bình quân chung của cả nước;

h) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 35%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản;

k) 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên toàn tỉnh và quy mô toàn quốc;

l) 100% các ngành, các lĩnh vực sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

m) Ít nhất 50% số xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi; phấn đấu 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

Điều 4. Một số chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân trong thực hiện công tác dân số

1. Chính sách khuyến khích đối với các xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố từ ngân sách tỉnh

a) Xã, phường, thị trấn có tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên trong 01 năm dưới 5% được thưởng 05 triệu đồng;

b) Giai đoạn 2021-2025: Xã, phường, thị trấn thực hiện giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên so với năm trước từ 5% trở lên được thưởng 02 triệu đồng;

c) Giai đoạn 2026-2030: Xã, phường, thị trấn thực hiện giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên so với năm trước từ 3% trở lên được thưởng 02 triệu đồng;

d) Thôn, tổ dân phố trong 02 năm liên tục không có người sinh con thứ ba trở lên được thưởng 02 triệu đồng.

2. Chính sách khuyến khích đối với cộng tác viên dân số từ ngân sách tỉnh

a) Cộng tác viên dân số vận động được 01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đặt dụng cụ tử cung được hỗ trợ 100 nghìn đồng/ca;

b) Cộng tác viên dân số vận động được 01 cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ tự nguyện thực hiện triệt sản thì được hỗ trợ 200 nghìn đồng/ca.

3. Chính sách khuyến khích, vận động người dân sinh ít con

a) Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai đặt dụng cụ tử cung tại các cơ sở y tế nhà nước được miễn phí khám phụ khoa, thử thai, cấp dụng cụ tránh thai và một cơ sở thuốc theo quy định. Người trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai khác thì được hưởng các dịch vụ, các phương tiện tránh thai theo quy định hiện hành thông qua cộng tác viên dân số, viên chức dân số, Ban dân số và phát triển cấp xã;

b) Cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ tự nguyện thực hiện triệt sản được phẫu thuật miễn phí; được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 triệu đồng để bồi dưỡng sức khỏe.

4. Chính sách khuyến khích thực hiện tầm soát, chẩn đoán một số bệnh, dị tật bẩm sinh trong sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh

a) Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, dân tộc thiểu số rất ít người (theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư); phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh cư trú tại vùng khó khăn, miền núi, biên giới, ven biển thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh được miễn phí tại các cơ sở y tế nhà nước trên địa bàn tỉnh; Trẻ sơ sinh không thuộc các địa bàn, đối tượng trên, gia đình tự nguyện thực hiện sàng lọc sơ sinh được hỗ trợ 100 nghìn đồng/ca;

b) Cộng tác viên dân số, cán bộ y tế vận động thực hiện tầm soát, chẩn đoán một số bệnh, dị tật bẩm sinh trong sàng lọc sơ sinh được hỗ trợ 50 nghìn đồng/ca.

Điều 5. Kinh phí đảm bảo

Hàng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết từ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp y tế - dân số và chi Chương trình mục tiêu y tế - dân số (nếu có). Riêng cấp huyện, xã bố trí tối thiểu 0,15% tổng chi ngân sách thường xuyên và giao cho cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ công tác dân số cùng cấp quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Y tế;
- Tổng cục Dân số;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn